

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 9 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Hiền.

Bà Trương Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 281/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 432/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thị T, sinh năm 1991 (số căn cước 091191009042); cư trú tại: Tổ 3, ấp MH, xã MĐ, tỉnh An Giang. Vắng mặt

- Bị đơn: Ông Trịnh Thanh B, sinh năm 1977 (số căn cước công dân 089077029935); cư trú tại: Tổ 3, ấp MH, xã MĐ, tỉnh An Giang. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/5/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông B được gia đình hai bên mai mối, sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang vào ngày

27/10/2023. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xảy ra tranh cãi làm ảnh hưởng hạnh phúc gia đình. Hiện bà và ông B đã ly thân từ tháng 3 năm 2025 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Thanh B.

- Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên Trịnh Thanh S, sinh ngày 24/02/2009, Trịnh Tấn L, sinh ngày 24/9/2013 và Trịnh Tấn P, sinh ngày 04/6/2021, hiện các con chung do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng 03 (ba) con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trịnh Thanh B vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thị T, cho bà Thị T được ly hôn với ông Trịnh Thanh B.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung tên Trịnh Thanh S, Trịnh Tấn L và Trịnh Tấn P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con chung nên không đề nghị xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại xã MĐ, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ

khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông B xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Đức, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 140 ngày 27/10/2023. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, bà T và ông B đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; cả hai đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2025 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng bà T cương quyết ly hôn; ông B vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến. Qua đó, cho thấy hôn nhân của ông bà thực tế đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 (ba) con chung. Con chung tên Trịnh Thanh S và Trịnh Tấn L có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà T khi cha mẹ ly hôn. Ông B không có ý kiến về yêu cầu nuôi dưỡng con chung của bà T và cũng không có yêu cầu nuôi dưỡng các con khi vợ chồng ly hôn. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay các con chung đều do bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định về tâm lý, về môi trường sống, điều kiện học tập, nơi ở và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung cũng như tôn trọng nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Trịnh Thanh S và Trịnh Tấn L và Trịnh Tấn P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng cho con chung nên ông B không phải cấp dưỡng.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Trường hợp có tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí dân sự: Bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Dân sự và điểm a khoản 5

Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông B không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9; Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị T được ly hôn với ông Trịnh Thanh B.
- Về con chung: Bà Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 (ba) con chung tên Trịnh Thanh S sinh ngày 24/02/2009, Trịnh Tấn L sinh ngày 24/9/2013 và Trịnh Tấn P sinh ngày 04/6/2021.
- Về cấp dưỡng: Ông Trịnh Thanh B không phải cấp dưỡng cho con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

- Về án phí dân sự: Bà Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0009787 ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 - An Giang).

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV13 – An Giang;
- PTHADS KV13 – An Giang;
- UBND xã Mỹ Đức;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quang